216859.25

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM

Số: 216859.25

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội

1. Tên tổ chức: NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM (VIB)
   Mã chứng khoán: VIB
   Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh
   Điện thoại: (028) 62999039 Fax: (028) 62999040
   Email: congbothongtin@vib.com.vn
2. Nội dung thông tin công bố
   Ngày 25.07.2025, Hội đồng quản trị (HĐQT) ban hành Nghị quyết số 039.25.BOD về việc phê duyệt danh sách cuối cùng cán bộ nhân viên VIB được phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động VIB năm 2025 với tỷ lệ 0.26%.
   Thông tin trên được công bố trên trang thông tin điện tử của VIB vào ngày 25.07.2025 tại đường dẫn: https://www.vib.com.vn/vn/nha-dau-tu/thong-tin-co-dong
   VIB cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tổng Giám đốc
Người được ủy quyền công bố thông tin

M.S.D.N: 0100233488 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Minh Huệ

Tài liệu đính kèm:
- Nghị quyết số 039.25.BOD

Số: 039.25.BOD

Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2025

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ IX

Phê duyệt danh sách cuối cùng Cán bộ nhân viên VIB (CBNV) được phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động VIB năm 2025 với tỷ lệ 0,26%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB);

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị số 1003.BOD - 2024(1) ban hành ngày 01.07.2024;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu Hội đồng Quản trị (Biên bản họp HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) số 039.25.BOD ngày 24.07.2025,

QUYẾT NGHỊ

1.0 Phân bổ bổ sung 107.337 cổ phiếu bị hủy quyền cho toàn bộ CBNV đủ điều kiện theo danh sách chốt ngày 18.07.2025. Nguyên tắc phân bổ được thực hiện theo tỷ trọng số cổ phiếu đã được phân bổ cho từng CBNV so với tổng số cổ phiếu đã phân bổ cho 1.372 CBNV trong danh sách.

2.0 Phê duyệt danh sách cuối cùng CBNV được phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động VIB năm 2025, như tại Danh sách đính kèm, với thông tin tổng hợp như sau:

- Số CBNV được phát hành cổ phiếu thưởng: 1372 CBNV
- Số cổ phiếu phát hành cho CBNV: 7.799.121 cổ phần
- Số cổ phần lẻ phát sinh: 879 cổ phần.

3.0 Danh sách trình HĐQT phê duyệt bao gồm cả 8 CBNV thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định công bố thông tin của Người nội bộ và Người có liên quan, những người này cũng được nhận thêm cổ phiếu từ phần phân bổ bổ sung số cổ phiếu bị hủy quyền, theo đúng nguyên tắc phân bổ như sau:

Họ và tên	Số ĐKSH	Ngày cấp	Số CP được phân bổ bổ sung
Hàn Ngọc Vũ			1.216
Hồ Vân Long			1.845
Ân Thanh Sơn			1.216
Trần Nhất Minh			1.593
Nguyễn Xuân Dũng			1.425
Nguyễn Thị Mộng Tường			1.383
Phạm Thị Minh Huệ			754
Nguyễn Minh Huệ			262

4.0 Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị và cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT

M.S.D.N: 0100233488 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đặng Khắc Vỹ

Nơi nhận:
- Các TV HĐQT, TV BKS;
- TGĐ, NS, QLCĐ;
- Lưu TK HĐQT.

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC LỰA CHỌN THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THƯỞNG NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết HĐQT số 039.25.BOD ngày 24.07.2025 về việc Phê duyệt danh sách cuối cùng Cán bộ nhân viên VIB (CBNV) được phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động VIB năm 2025, với tỷ lệ 0,26%)

Tên chứng khoán: Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam

Mã chứng khoán: VIB

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
1	Lê Quang Trung	EM	12	435,846	6,081	441,927	0.488
2	Hồ Vân Long	EM	12	132,240	1,845	134,085	0.184
3	Trần Nhất Minh	EM	12	114,204	1,594	115,797	0.522
4	Nguyễn Xuân Dũng	EM	12	102,180	1,426	103,605	0.748
5	Nguyễn Thị Mộng Tường	EM	12	99,174	1,384	100,557	0.804
6	Nguyễn Đình Thiện	EM	12	96,168	1,342	97,509	0.861
7	Trần Tuấn Minh	EM	12	90,156	1,258	91,413	0.973
8	Hàn Ngọc Vũ	EM	12	87,150	1,216	88,366	0.030
9	Ân Thanh Sơn	EM	12	87,150	1,216	88,366	0.030
10	Hà Hoàng Dũng	EM	12	87,150	1,216	88,366	0.030
11	Phạm Thị Minh Huệ	EM	12	54,084	755	54,838	0.650
12	Võ Thị Cẩm Tú	EM	12	48,072	671	48,742	0.763
13	Phạm Dương Hùng	EM	12	36,048	503	36,550	0.988
14	Lê Quốc Bảo	EM	12	33,042	461	33,503	0.045
15	Nguyễn Quang Huy	EM	8	34,052	475	34,527	0.138
16	Đặng Thị Phương Diễm	EM	12	27,030	377	27,407	0.158
17	Nguyễn Kim Hạnh	GM	12	37,565	524	38,089	0.156
18	Lê Thị Ngọc Tân	GM	12	32,555	454	33,009	0.250
19	Bùi Công Huân	GM	12	30,050	419	30,469	0.297
20	Hà Hoàng Hiệp	GM	12	27,545	384	27,929	0.344
21	Lê Hoài Bắc	GM	12	27,545	384	27,929	0.344
22	Bùi Đức Thọ	GM	12	27,545	384	27,929	0.344
23	Nguyễn Ngọc Hiển	GM	12	27,545	384	27,929	0.344
24	Tạ Minh Thủy	GM	12	26,293	367	26,659	0.874
25	Đỗ Anh Tâm	GM	12	25,040	349	25,389	0.391
26	Tăng Thanh Hương	GM	12	25,040	349	25,389	0.391
27	Đinh Ngọc Thanh	GM	12	25,040	349	25,389	0.391
28	Hoàng Việt Đức	GM	12	25,040	349	25,389	0.391
29	Nguyễn Văn Lợi	GM	12	25,040	349	25,389	0.391
30	Hồ Văn Nhàn	GM	12	23,788	332	24,119	0.921
31	Trần Thị Thu Hà	GM	12	22,535	314	22,849	0.438
32	Nguyễn Thanh Huy Võ	GM	12	22,535	314	22,849	0.438

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
33	Lê Văn Minh	GM	12	20,030	279	20,309	0.485
34	Trần Hữu Thuận	GM	12	18,778	262	19,040	0.015
35	Huỳnh Kim Sang	GM	12	18,778	262	19,040	0.015
36	Nguyễn Trung Kiên	GM	12	20,030	279	20,309	0.485
37	Thái Thị Quỳnh Trang	GM	12	20,030	279	20,309	0.485
38	Nguyễn Trường Giang	GM	12	17,525	245	17,769	0.532
39	Lê Thị Thảo	GM	12	17,525	245	17,769	0.532
40	Nguyễn Mai Phương	GM	12	18,778	262	19,040	0.015
41	Trần Chí Thanh	GM	12	16,273	227	16,500	0.062
42	Phan Quốc Thái	GM	12	16,273	227	16,500	0.062
43	Lưu Thị Lan Ngọc	GM	12	17,525	245	17,769	0.532
44	Ngô Xuân Dũng	GM	12	16,273	227	16,500	0.062
45	Trần Phú Thành	GM	12	15,020	210	15,229	0.579
46	Trần Thế Anh	GM	12	13,768	192	13,960	0.109
47	Nguyễn Xuân Thông	GM	12	15,020	210	15,229	0.579
48	Đào Hoàng Hà	GM	12	13,768	192	13,960	0.109
49	Nguyễn Quang Mai Linh	GM	12	13,768	192	13,960	0.109
50	Hồ Nguyên Thanh	GM	12	12,515	175	12,689	0.626
51	Hà Thị Thu Hương	GM	12	12,515	175	12,689	0.626
52	Đỗ Văn Quý	GM	12	13,768	192	13,960	0.109
53	Nguyễn Kim Chi	GM	12	11,263	157	11,420	0.156
54	Vũ Thu Hà	GM	8	11,683	163	11,846	0.016
55	Nguyễn Thị Thu Vân	GM	12	10,010	140	10,149	0.672
56	Lê Bảo Ngọc	GM	12	10,010	140	10,149	0.672
57	Đinh Xuân Phúc	GM	5	6,780	95	6,874	0.603
58	Nguyễn Ngọc Chí	GM	6	5,631	79	5,709	0.571
59	Trần Ngọc Minh	MM/Sr.PRO	12	22,540	315	22,854	0.507
60	Ngô Đức Quốc	MM/Sr.PRO	12	21,914	306	22,219	0.773
61	Phạm Tường Vi	MM/Sr.PRO	12	20,035	280	20,314	0.554
62	Bùi Thị Đông	MM/Sr.PRO	12	20,035	280	20,314	0.554
63	Nguyễn Minh Huệ	MM/Sr.PRO	12	18,783	262	19,045	0.085
64	Nguyễn Thị Thanh Tâm	MM/Sr.PRO	12	18,783	262	19,045	0.085
65	Trương Hoàng Nam Cường	MM/Sr.PRO	12	15,651	218	15,869	0.383
66	Trương Lê Ngọc Trâm	MM/Sr.PRO	12	15,651	218	15,869	0.383
67	Vũ Thu Hà	MM/Sr.PRO	12	15,025	210	15,234	0.648
68	Lương Đắc Thọ	MM/Sr.PRO	12	15,025	210	15,234	0.648
69	Vũ Sĩ Thắng	MM/Sr.PRO	12	15,025	210	15,234	0.648
70	Trần Thanh Hoa	MM/Sr.PRO	12	14,399	201	14,599	0.914
71	Phùng Vũ Dung	MM/Sr.PRO	12	13,773	192	13,965	0.179
72	Nguyễn Trần Minh Tú	MM/Sr.PRO	12	13,146	183	13,329	0.430
73	Ngô Thu Thủy	MM/Sr.PRO	12	13,146	183	13,329	0.430

(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024
74	Nguyễn Thị Thu Hồng	MM/Sr.PRO	12
75	Vũ Hương Ly	MM/Sr.PRO	12
76	Đoàn Tùng Giang	MM/Sr.PRO	12
77	Nguyễn Thị Hồng Nhung	MM/Sr.PRO	12
78	Vũ Huy Bình	MM/Sr.PRO	12
79	Đỗ Thái Bình	MM/Sr.PRO	12
80	Nguyễn Thu Trang	MM/Sr.PRO	12
81	Nguyễn Dương Phúc Anh	MM/Sr.PRO	12
82	Đặng Khắc Cường	MM/Sr.PRO	12
83	Lê Thị Thu Thủy	MM/Sr.PRO	12
84	Nguyễn Khánh Hoàng	MM/Sr.PRO	12
85	Nguyễn Thị Miễn	MM/Sr.PRO	12
86	Nguyễn Hải Đông	MM/Sr.PRO	12
87	Bùi Thị Thanh Hương	MM/Sr.PRO	12
88	Phạm Văn Quynh	MM/Sr.PRO	12
89	Phan Thị Cẩm Vân	MM/Sr.PRO	12
90	Dương Nghiêm Minh Hạnh	MM/Sr.PRO	12
91	Nguyễn Mạnh Hùng	MM/Sr.PRO	12
92	Hồng Đăng Khoa	MM/Sr.PRO	12
93	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	MM/Sr.PRO	12
94	Phan Hồng Thông	MM/Sr.PRO	12
95	Nguyễn Ngọc Thanh	MM/Sr.PRO	12
96	Nguyễn Xuân Đô	MM/Sr.PRO	12
97	Phạm Tuấn Anh	MM/Sr.PRO	12
98	Lê Thị Phương Anh	MM/Sr.PRO	12
99	Lê Thị Lan Anh	MM/Sr.PRO	12
100	Đoàn Thị Minh Nga	MM/Sr.PRO	12
101	Phạm Thị Thủy	MM/Sr.PRO	12
102	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	MM/Sr.PRO	12
103	Nguyễn Thanh Ngà	MM/Sr.PRO	12
104	Huỳnh Ánh Nhung	MM/Sr.PRO	12
105	Phan Thị Thu Hằng	MM/Sr.PRO	12
106	Bùi Thị Hồng Thanh	MM/Sr.PRO	12
107	Vũ Thị Hồng	MM/Sr.PRO	12
108	Phạm Thùy Dương	MM/Sr.PRO	12
109	Trần Lê Hoàng	MM/Sr.PRO	12
110	Trần Thanh Hương	MM/Sr.PRO	12
111	Hà Thu Thảo	MM/Sr.PRO	12
112	Trần Thị Thanh Trà	MM/Sr.PRO	12
113	Trần Hữu Hiếu	MM/Sr.PRO	12
114	Vũ Thành Tâm	MM/Sr.PRO	12

(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng số CP phân bổ			
CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
		Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
13,146	183	13,329	0.430
13,146	183	13,329	0.430
13,146	183	13,329	0.430
12,520	175	12,694	0.695
12,520	175	12,694	0.695
12,520	175	12,694	0.695
12,520	175	12,694	0.695
12,520	175	12,694	0.695
11,268	157	11,425	0.226
11,894	166	12,059	0.961
11,894	166	12,059	0.961
11,894	166	12,059	0.961
11,894	166	12,059	0.961
11,894	166	12,059	0.961
11,894	166	12,059	0.961
11,894	166	12,059	0.961
11,894	166	12,059	0.961
11,894	166	12,059	0.961
11,894	166	12,059	0.961
11,894	166	12,059	0.961
11,894	166	12,059	0.961
11,894	166	12,059	0.961
11,894	166	12,059	0.961
11,268	157	11,425	0.226
10,641	148	10,789	0.477
10,641	148	10,789	0.477
10,015	140	10,154	0.742
10,015	140	10,154	0.742
10,015	140	10,154	0.742
10,015	140	10,154	0.742
10,015	140	10,154	0.742
10,015	140	10,154	0.742
10,015	140	10,154	0.742
10,015	140	10,154	0.742
10,015	140	10,154	0.742
10,015	140	10,154	0.742
10,015	140	10,154	0.742
10,015	140	10,154	0.742
10,015	140	10,154	0.742
10,015	140	10,154	0.742
10,015	140	10,154	0.742
10,015	140	10,154	0.742
10,015	140	10,154	0.742

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
115	Nguyễn Mạnh Hà	MM/Sr.PRO	12	10,015	140	10,154	0.742
116	Trần Anh Dũng	MM/Sr.PRO	12	10,641	148	10,789	0.477
117	Phạm Văn Đức	MM/Sr.PRO	12	10,015	140	10,154	0.742
118	Đồng Thị Khánh Vân	MM/Sr.PRO	12	10,015	140	10,154	0.742
119	Trà Thanh Phúc	MM/Sr.PRO	12	10,015	140	10,154	0.742
120	Phạm Thị Hồng Nhung	MM/Sr.PRO	12	10,015	140	10,154	0.742
121	Nguyễn Đức Hinh	MM/Sr.PRO	12	10,015	140	10,154	0.742
122	Nguyễn Anh Duy	MM/Sr.PRO	12	10,015	140	10,154	0.742
123	Nguyễn Thị Vân Phi	MM/Sr.PRO	12	10,641	148	10,789	0.477
124	Đặng Khắc Mạnh	MM/Sr.PRO	12	10,015	140	10,154	0.742
125	Ninh Trung Sơn	MM/Sr.PRO	12	9,389	131	9,520	0.007
126	Hoàng Văn Thiếu	MM/Sr.PRO	12	8,763	122	8,885	0.273
127	Phan Trung Hiếu	MM/Sr.PRO	12	9,389	131	9,520	0.007
128	Mai Thanh Bình	MM/Sr.PRO	12	9,389	131	9,520	0.007
129	Phan Thị Thu Hằng	MM/Sr.PRO	12	8,763	122	8,885	0.273
130	Đỗ Thị Ánh	MM/Sr.PRO	12	8,763	122	8,885	0.273
131	Nguyễn Duy Lâm	MM/Sr.PRO	12	8,763	122	8,885	0.273
132	Nguyễn Thị Sâm	MM/Sr.PRO	12	8,763	122	8,885	0.273
133	Nguyễn Thành Trung	MM/Sr.PRO	12	9,389	131	9,520	0.007
134	Ngô Xuân Ngọc	MM/Sr.PRO	12	9,389	131	9,520	0.007
135	Nguyễn Ngọc Quang	MM/Sr.PRO	12	9,389	131	9,520	0.007
136	Hoàng Đình Hạnh	MM/Sr.PRO	12	9,389	131	9,520	0.007
137	Nguyễn Mậu Sáu	MM/Sr.PRO	12	9,389	131	9,520	0.007
138	Phạm Hoài Phương	MM/Sr.PRO	12	9,389	131	9,520	0.007
139	Trần Quang Thảo	MM/Sr.PRO	12	9,389	131	9,520	0.007
140	Nguyễn Thanh Ngừng	MM/Sr.PRO	12	9,389	131	9,520	0.007
141	Phan Hùng Xuân	MM/Sr.PRO	12	9,389	131	9,520	0.007
142	Trịnh Thanh Hương	MM/Sr.PRO	12	9,389	131	9,520	0.007
143	Nguyễn Anh Tuấn	MM/Sr.PRO	12	9,389	131	9,520	0.007
144	Lê Thị Thanh	MM/Sr.PRO	12	9,389	131	9,520	0.007
145	Bạch Thái Vinh	MM/Sr.PRO	12	8,763	122	8,885	0.273
146	Nguyễn Xuân Dũng	MM/Sr.PRO	12	8,763	122	8,885	0.273
147	Đỗ Ngọc Đức	MM/Sr.PRO	12	8,763	122	8,885	0.273
148	Hoàng Hồng Minh	MM/Sr.PRO	12	8,763	122	8,885	0.273
149	Đỗ Thành Nam	MM/Sr.PRO	12	8,763	122	8,885	0.273
150	Phí Văn Bảo	MM/Sr.PRO	12	8,763	122	8,885	0.273
151	Nguyễn Hồng Hà	MM/Sr.PRO	12	8,763	122	8,885	0.273
152	Phạm Thị Thu Hường	MM/Sr.PRO	12	8,763	122	8,885	0.273
153	Dương Việt Hà	MM/Sr.PRO	12	8,763	122	8,885	0.273
154	Cao Tiến Hiếu	MM/Sr.PRO	12	8,763	122	8,885	0.273
155	Huỳnh Trung Hiếu	MM/Sr.PRO	12	8,763	122	8,885	0.273

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
156	Nguyễn Thanh Tâm	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
157	Đặng Đình Thi	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
158	Bùi Thị Thư	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
159	Phạm Đình Lê	MM/Sr.PRO	12	8,763	122	8,885	0.273
160	Nguyễn Lê Lâm	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
161	Đinh Thị Thủy	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
162	Hoàng Chí Thắng	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
163	Phạm Hoàng Việt	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
164	Võ Hoàng Lân	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
165	Nguyễn Ngọc Thạch	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
166	Nguyễn Minh Nhựt	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
167	Nguyễn Văn Luận	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
168	Trần Cao Cường	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
169	Mai Hoài Hương	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
170	Đào Bá Tú	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
171	Trần Văn Thảo	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
172	Trần Anh Tuấn	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
173	Phạm Xuân Dũng	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
174	Nguyễn Thái Bình	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
175	Nguyễn Thị Hương	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
176	Phan Đình Toàn	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
177	Phan Thanh Long	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
178	Lê Văn Nhanh	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
179	Hoàng Nguyên Danh	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
180	Nguyễn Mai Lan	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
181	Hồ Thị Thanh Nga	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
182	Nguyễn Hà Trung	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
183	Thăng Thị Minh Khuyên	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
184	Đặng Khắc Hùng	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
185	Phùng Thị Bích Ngọc	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
186	Trần Phương Nhung	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
187	Lâm Ngọc Hải Long	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
188	Bùi Thị Huyền	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
189	Nguyễn Xuân Hòa	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
190	Nguyễn Văn Trường	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
191	Bùi Anh Dũng	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
192	Đinh Thị Huyên	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
193	Lâm Thị Thúy Hoa	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
194	Phạm Quang Huy	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
195	Nguyễn Tất Thắng	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
196	Trần Ngọc Vinh	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
197	Nguyễn Thị Tuyết Vân	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
198	Thạch Việt Anh	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
199	Nguyễn Thị Tâm	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
200	Vũ Anh Tuấn	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
201	Phạm Thị Lý	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
202	Trần Đăng Khoa	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
203	Nguyễn Quốc Khánh	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
204	Bùi Hoàng Quân	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
205	Cao Thanh Nga	MM/Sr.PRO	12	8,136	114	8,249	0.524
206	Lê Thị Thanh Thủy	MM/Sr.PRO	11	8,032	112	8,144	0.073
207	Trần Chí Linh	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
208	Diệp Thị Hòa	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
209	Nguyễn Giang Nam	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
210	Trần Văn Chính	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
211	Trần Quang Hùng	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
212	Châu Mạnh Tường Huy	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
213	Đỗ Đình Túc	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
214	Trần Minh Tiến	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
215	Đỗ Thanh Phong	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
216	Huỳnh Trần Quốc Minh	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
217	Lê Nhật	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
218	Nguyễn Thu Trang	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
219	Vũ Hồng Hà	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
220	Lê Thị Thanh Tâm	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
221	Nguyễn Xuân Trường	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
222	Nguyễn Thị Thanh Hoa	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
223	Phạm Hoàng Tuấn	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
224	Vũ Xuân Toàn	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
225	Nguyễn Thị Oanh	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
226	Lê Thị Kim Thoa	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
227	Nguyễn Thế Quốc Bảo	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
228	Đỗ Thị Minh Nguyệt	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
229	Nguyễn Thị Quế Vinh	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
230	Trịnh Phương Thảo	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
231	Nguyễn Thị Ngọc Anh	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
232	Cao Minh Thắng	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
233	Vũ Lan Anh	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
234	Hà Lê Phương Mai	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
235	Lê Thị Minh Hiền	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
236	Vũ Thị Thanh Hải	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
237	Nguyễn Thái Bình	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
238	Cao Hoàng Minh	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
239	Quách Vĩ Đạt	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
240	Nguyễn Hùng Tiến	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
241	Nguyễn Đức Trung	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
242	Võ Lê Thanh Tùng	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
243	Phạm Ngọc Tân	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
244	Trịnh Minh Toản	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
245	Diệp Chí Hải	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
246	Đinh Bá Tuấn	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
247	Võ Hải Âu	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
248	Hoàng Đình Long	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
249	Nguyễn Ngọc Hiền	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
250	Trần Thị Lê Dung	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
251	Võ Chí Công	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
252	Phan Văn Dưỡng	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
253	Lê Việt Tuấn	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
254	Nguyễn Minh Hoa	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
255	Vũ Mạnh Đức	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
256	Quách Văn Tửng	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
257	Võ Ngọc Quý	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
258	Nguyễn Huyền Minh	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
259	Phạm Thị Hương	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
260	Lưu Trường Hận	MM/Sr.PRO	12	7,510	105	7,614	0.789
261	Nguyễn Nguyệt Ánh	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
262	Nguyễn Thùy Linh	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
263	Đỗ Thị Hồng Thoan	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
264	Lại Bảo Hân	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
265	Nguyễn Kim Ngọc	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
266	Ngô Nhất Linh	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
267	Ngô Trần Bích Phương	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
268	Nguyễn Việt Nam	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
269	Nguyễn Thị Lánh	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
270	Lâm Trọng Tuân	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
271	Lê Trần Hải	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
272	Trương Thị Hồng Nhuận	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
273	Trần Xuân Cảnh	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
274	Đặng Văn Túc	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
275	Nguyễn Hải Châu	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
276	Nguyễn Ngọc Bích	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
277	Võ Thị Mỹ Linh	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
278	Huỳnh Thị Hồng Phụng	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320

(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024
279	Bùi Trung Kiên	MM/Sr.PRO	12
280	Phạm Minh Hải	MM/Sr.PRO	12
281	Lê Hải Ninh	MM/Sr.PRO	12
282	Đặng Thị Vân Anh	MM/Sr.PRO	12
283	Võ Việt Thắng	MM/Sr.PRO	12
284	Phạm Mạnh Hiến	MM/Sr.PRO	12
285	Nguyễn Thị Thu Thủy	MM/Sr.PRO	12
286	Đỗ Đăng Vinh	MM/Sr.PRO	12
287	Phan Tuấn Vũ	MM/Sr.PRO	12
288	Nguyễn Hữu Long	MM/Sr.PRO	12
289	Nguyễn Hữu Ánh	MM/Sr.PRO	12
290	Bùi Thanh Tùng	MM/Sr.PRO	12
291	Hà Thanh Thế	MM/Sr.PRO	12
292	Hà Nam Sơn	MM/Sr.PRO	12
293	Nguyễn Tiến Dũng	MM/Sr.PRO	12
294	Lâm Hồng Nghĩa	MM/Sr.PRO	12
295	Võ Văn Thừa	MM/Sr.PRO	12
296	Nguyễn Thị Thanh Dân	MM/Sr.PRO	12
297	Nguyễn Quốc Quảng	MM/Sr.PRO	12
298	Đào Tiến Đôn	MM/Sr.PRO	12
299	Lê Thanh Hằng	MM/Sr.PRO	12
300	Hứa Thị Hồng Hạnh	MM/Sr.PRO	12
301	Lê Thị Ngọc	MM/Sr.PRO	12
302	Phạm Quyết Tiến	MM/Sr.PRO	12
303	Nguyễn Trung Thủy	MM/Sr.PRO	12
304	Đặng Thị Hiền	MM/Sr.PRO	12
305	Trần Văn Nhật	MM/Sr.PRO	12
306	Nguyễn Tố Quỳnh	MM/Sr.PRO	12
307	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	MM/Sr.PRO	12
308	Hoàng Trọng Huy	MM/Sr.PRO	12
309	Lý Văn Vũ	MM/Sr.PRO	12
310	Nguyễn Văn Long	MM/Sr.PRO	12
311	Phan Thị Thúy Hạnh	MM/Sr.PRO	12
312	Nguyễn Thị Kim Ngân	MM/Sr.PRO	12
313	Phan Nguyễn Kim Ngân	MM/Sr.PRO	12
314	Đặng Thị Thanh Nga	MM/Sr.PRO	12
315	Nguyễn Thị Cẩm Tú	MM/Sr.PRO	12
316	Nguyễn Phương Chi	MM/Sr.PRO	12
317	Nhữ Tuấn Anh	MM/Sr.PRO	12
318	Bùi Thị Hường	MM/Sr.PRO	12
319	Nguyễn Thu Huyền Trang	MM/Sr.PRO	12

(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng số CP phân bổ			
CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
		Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
320	Nguyễn Thanh Hải	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
321	Phạm Tú Quỳnh	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
322	Trần Tuấn Anh	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
323	Võ Thị Thảo Nguyên	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
324	Trần Thị Hoàng Phương	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
325	Trần Thị Thùy Dương	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
326	Nguyễn Đức Sĩ	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
327	Hoàng Như Thịnh	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
328	Nguyễn Thị Hoa	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
329	Hoa Dạ Lý	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
330	Nguyễn Thị Kim Loan	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
331	Nguyễn Công Hoan	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
332	Tạ Thị Lan Diệp	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
333	Dương Khánh Tâm	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
334	Nguyễn Thị Hoài Thu	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
335	Trần Hữu Tâm	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
336	Hà Lệ Thùy	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
337	Trần Thị Tuyết Loan	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
338	Nguyễn Thị Phương Biên	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
339	Nguyễn Đức Chính	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
340	Võ Thị Ngọc Yến	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
341	Đoàn Đức Thuận	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
342	Dương Thị Nga	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
343	Nguyễn Văn Minh	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
344	Ngô Long Quân	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
345	Trần Phi Hậu	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
346	Ngô Thanh Hiệp	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
347	Trương Thị Hồng Liên	MM/Sr.PRO	12	6,884	96	6,980	0.054
348	Trần Huyền Trang	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
349	Ngô Tấn Bình	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
350	Nguyễn Hữu Quốc Anh	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
351	Hứa Nguyễn Thanh Nguyên	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
352	Đào Thị Lệ Huyền	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
353	Lương Thị Phương Oanh	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
354	Trần Linh Chi	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
355	Phan Hoàng Sơn	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
356	Đào Xuân Việt	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
357	Trần Anh Thư	MM/Sr.PRO	10	5,736	80	5,816	0.036
358	Cấn Hải Yến	MM/Sr.PRO	11	5,736	80	5,816	0.036
359	Hoàng Văn Thắng	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
360	Nguyễn Thanh Dũng	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320

(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024
361	Phan Hoàng Hiệp	MM/Sr.PRO	12
362	Nguyễn Công Anh	MM/Sr.PRO	12
363	Trần Huỳnh Phúc	MM/Sr.PRO	12
364	Huỳnh Quốc Cường	MM/Sr.PRO	12
365	Keo Hoàng Phương	MM/Sr.PRO	12
366	Đỗ Văn Việt	MM/Sr.PRO	12
367	Bùi Thị Yến	MM/Sr.PRO	12
368	Trần Đặng Trung	MM/Sr.PRO	12
369	Võ Tấn Đạt	MM/Sr.PRO	12
370	Lưu Chí Công	MM/Sr.PRO	12
371	Đặng Ngọc Anh	MM/Sr.PRO	12
372	Nguyễn Trọng Nhân	MM/Sr.PRO	12
373	Phạm Quang Giang	MM/Sr.PRO	12
374	Phan Huy Hoàng	MM/Sr.PRO	12
375	Cung Thị Thanh Thủy	MM/Sr.PRO	12
376	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	MM/Sr.PRO	12
377	Lê Quý Phúc	MM/Sr.PRO	12
378	Nguyễn Thị Thắm	MM/Sr.PRO	12
379	Nguyễn Thị Lệ Hằng	MM/Sr.PRO	12
380	Bùi Thị Hồng Hạnh	MM/Sr.PRO	12
381	Nguyễn Thị Sơn Hà	MM/Sr.PRO	12
382	Hoàng Hữu Phương	MM/Sr.PRO	12
383	Hồ Thị Ngọc	MM/Sr.PRO	12
384	Hà Tuấn Vũ	MM/Sr.PRO	12
385	Phạm Hồ Điệp	MM/Sr.PRO	12
386	Hoàng Gia Lê	MM/Sr.PRO	12
387	Nguyễn Minh Cao Đạt	MM/Sr.PRO	12
388	Hoàng Tuấn Dũng	MM/Sr.PRO	12
389	Huỳnh Thị Thuỷ Tiên	MM/Sr.PRO	12
390	Phan Bích Vân	MM/Sr.PRO	12
391	Nguyễn Thu Thủy	MM/Sr.PRO	12
392	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	MM/Sr.PRO	12
393	Hà Thị Hải Anh	MM/Sr.PRO	12
394	Trần Thị Lan Anh	MM/Sr.PRO	12
395	Huỳnh Thị Thuỷ Tiên	MM/Sr.PRO	12
396	Nguyễn Quang Huy	MM/Sr.PRO	12
397	Nguyễn Thị Thanh Thủy	MM/Sr.PRO	12
398	Văn Thị Tường Thụy	MM/Sr.PRO	12
399	Tạ Thị Thu Hiền	MM/Sr.PRO	12
400	Nguyễn Thị Thanh Thu	MM/Sr.PRO	12
401	Phạm Ánh Ngọc	MM/Sr.PRO	12

(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng số CP phân bổ			
CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
		Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
6,258	87	6,345	0.320
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
6,258	87	6,345	0.320
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
6,258	87	6,345	0.320
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
6,258	87	6,345	0.320
5,631	79	5,709	0.571

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
402	Nguyễn Thị Thủy Tiên	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
403	Phạm Thị Hồng Dương	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
404	Hoàng Thị Đàn	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
405	Nguyễn Thị Thu Hà	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
406	Phạm Thị Bích Vân	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
407	Chu Mai Phong	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
408	Lê Thị Tường Vi	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
409	Nguyễn Hải Hà	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
410	Lê Thị Hồng Minh	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
411	Lê Thành Long	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
412	Lê Thị Thu Hương	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
413	Nguyễn Thị Hoa	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
414	Đỗ Ngọc Tuyên	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
415	Đặng Xuân Sơn	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
416	Phạm Thị Minh Nguyệt	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
417	Phạm Thương Huyền	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
418	Nguyễn Thị Thu Hiền	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
419	Nguyễn Văn Huy	MM/Sr.PRO	12	6,258	87	6,345	0.320
420	Nguyễn Minh Quân	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
421	Phạm Việt Hùng	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
422	Khấu Thành Đạo	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
423	Nguyễn Đình Đức	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
424	Ngô Ngọc Huấn	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
425	Hà Văn Đông	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
426	Lê Thanh Tuấn	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
427	Trần Tiến Định	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
428	Trần Đại Ngọt	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
429	Từ Nguyễn Ngọc Bình	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
430	Hoàng Thị Thu Thủy	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
431	Nguyễn Thị Kim Hoa	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
432	Nguyễn Đặng Thanh Hà	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
433	Võ Thị Lệ Thảo	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
434	Ngô Xuân Hảo	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
435	Nguyễn Vũ Xuân	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
436	Dương Mạnh Dũng	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
437	Trần Đăng Minh	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
438	Giáp Văn Sơn	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
439	Nguyễn Hồng Kường	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
440	Phan Thị Vân Hoài	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
441	Nguyễn Thị Sáu	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
442	Nguyễn Đăng Khoa	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571

(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024
443	Trần Thanh Hậu	MM/Sr.PRO	12
444	Đặng Lê Trọng Luật	MM/Sr.PRO	12
445	Tạ Văn Thành	MM/Sr.PRO	12
446	Phạm Thị Thanh Huyền	MM/Sr.PRO	12
447	Dương Việt Hùng	MM/Sr.PRO	12
448	Vũ Tiến Anh	MM/Sr.PRO	12
449	Lê Thị Minh Ngọc	MM/Sr.PRO	12
450	Trịnh Lê Tuấn	MM/Sr.PRO	12
451	Trịnh Việt Hải	MM/Sr.PRO	12
452	Trần Ngọc Tú	MM/Sr.PRO	12
453	Đào Thị Thúy Nga	MM/Sr.PRO	12
454	Dương Danh Phương	MM/Sr.PRO	12
455	Vũ Thị Tuyết Mai	MM/Sr.PRO	12
456	Vũ Thị Hồng Anh	MM/Sr.PRO	12
457	Nguyễn Thị Như Lan	MM/Sr.PRO	12
458	Trần Thị Quỳnh Trang	MM/Sr.PRO	12
459	Nguyễn Thị Hoa Băng	MM/Sr.PRO	12
460	Võ Tấn Tài	MM/Sr.PRO	12
461	Nguyễn Đức Hưởng	MM/Sr.PRO	12
462	Nguyễn Thị Lan Anh	MM/Sr.PRO	12
463	Lưu Thị Ngọc Lan	MM/Sr.PRO	12
464	Nguyễn Thế Dương	MM/Sr.PRO	12
465	Phan Thị Minh Hiếu	MM/Sr.PRO	12
466	Văn Phạm Trung	MM/Sr.PRO	12
467	Nguyễn Thành Sơn	MM/Sr.PRO	12
468	Nguyễn Thị Thục Trang	MM/Sr.PRO	12
469	Nguyễn Thanh Thủy	MM/Sr.PRO	12
470	Trương Quốc Tuấn	MM/Sr.PRO	12
471	Lê Đăng Quyết	MM/Sr.PRO	12
472	Đỗ Thành Dũng	MM/Sr.PRO	12
473	Nguyễn Thế Tường	MM/Sr.PRO	12
474	Phạm Thanh Hải	MM/Sr.PRO	12
475	Phạm Thùy Linh	MM/Sr.PRO	12
476	Cao Minh Vũ	MM/Sr.PRO	5
477	Nguyễn Anh Dũng	MM/Sr.PRO	10
478	Nguyễn Thị Nga	MM/Sr.PRO	10
479	Trần Ngọc Tuyết Anh	MM/Sr.PRO	10
480	Nguyễn Thị Thùy Trang	MM/Sr.PRO	10
481	Đinh Thị Mỹ Hương	MM/Sr.PRO	11
482	Lê Văn Hùng	MM/Sr.PRO	12
483	Nguyễn Ngọc Hiếu	MM/Sr.PRO	12

(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng số CP phân bổ			
CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
		Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
6,258	87	6,345	0.320
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
6,258	87	6,345	0.320
6,258	87	6,345	0.320
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,739	80	5,819	0.078
5,736	80	5,816	0.036
5,736	80	5,816	0.036
5,215	73	5,287	0.766
5,215	73	5,287	0.766
5,736	80	5,816	0.036
5,005	70	5,074	0.836
5,631	79	5,709	0.571

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
484	Nguyễn Tiến Anh	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
485	Nguyễn Thế Hải	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
486	Phùng Thị Lệ Thương	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
487	Nguyễn Anh Tuấn	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
488	Nguyễn Văn Thiệu	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
489	Lê Tấn Vũ	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
490	Lê Ngọc Thành	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
491	Nguyễn Việt Anh	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
492	Trần Thị Ngọc Thảo	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
493	Nguyễn Văn Du	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
494	Vũ Nguyên Vũ	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
495	Lê Thị Ngọc Lan	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
496	Trịnh Minh Trí	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
497	Phan Quang Sang	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
498	Bùi Đăng Duy	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
499	Trần Mạnh Tuân	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
500	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
501	Võ Hoàng Sa	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
502	Hoàng Minh Tiến	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
503	Lê Thị Hà	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
504	Nguyễn Đức Min	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
505	Nguyễn Thị Kim Ngọc	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
506	Huỳnh Minh Sơn	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
507	Đỗ Hùng Sơn	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
508	Võ Văn Sơn	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
509	Đậu Đình Tuấn	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
510	Phạm Quốc Thắng	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
511	Lê Tấn Phong	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
512	Huỳnh Thị Minh Tâm	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
513	Lê Thanh Sơn	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571
514	Trần Đức Thọ	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
515	Nguyễn Hồng Anh	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
516	Phạm Tiến Dũng	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
517	Nguyễn Vĩnh Nguyên	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
518	Nguyễn Dương Bình	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
519	Vũ Thị Tuyết	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
520	Nguyễn Văn Tiệp	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
521	Hồ Văn Nên	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
522	Đặng Thị Kim Cương	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
523	Lê Anh Tuấn	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
524	Thân Trọng Trung Việt	MM/Sr.PRO	12	5,631	79	5,709	0.571

(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024
525	Đặng Quốc Việt	MM/Sr.PRO	12
526	Phan Thế Quân	MM/Sr.PRO	12
527	Bùi Ngọc Loan	MM/Sr.PRO	12
528	Cao Thị Nhung	MM/Sr.PRO	12
529	Lê Hoàng Oanh	MM/Sr.PRO	12
530	Nguyễn Thụy Tuyết Trinh	MM/Sr.PRO	12
531	Bùi Đặng Thùy Vân	MM/Sr.PRO	12
532	Phạm Thị Hồng Oanh	MM/Sr.PRO	12
533	Đặng Văn Tâm	MM/Sr.PRO	12
534	Nguyễn Thị Khánh Hoài	MM/Sr.PRO	12
535	Nguyễn Việt Nga	MM/Sr.PRO	12
536	Cao Thị Thu Thuận	MM/Sr.PRO	12
537	Nguyễn Mạnh Hà	MM/Sr.PRO	12
538	Huỳnh Minh Nhật	MM/Sr.PRO	12
539	Nguyễn Ngọc Xuân Phương	MM/Sr.PRO	12
540	Đinh Văn Yên	MM/Sr.PRO	12
541	Nguyễn Minh Tiến	MM/Sr.PRO	12
542	Trần Minh Hiến	MM/Sr.PRO	12
543	Lưu Tổng Rin	MM/Sr.PRO	12
544	Trần Nam Phong	MM/Sr.PRO	12
545	Lý Thế Vinh	MM/Sr.PRO	12
546	Trần Thành Nhân	MM/Sr.PRO	12
547	Lê Nguyễn Nhật Việt	MM/Sr.PRO	12
548	Man Ngọc Lam	MM/Sr.PRO	12
549	Nguyễn Thị Hương	MM/Sr.PRO	12
550	Lê Thị Hằng	MM/Sr.PRO	12
551	Trần Vĩnh Thảo	MM/Sr.PRO	12
552	Võ Thị Thanh Thảo	MM/Sr.PRO	12
553	Nguyễn Thị Vương Thục	MM/Sr.PRO	12
554	Trần Quang	MM/Sr.PRO	12
555	Đặng Văn Dũng	MM/Sr.PRO	12
556	Nguyễn Tuấn Anh	MM/Sr.PRO	12
557	Hoàng Thị Tú	MM/Sr.PRO	12
558	Vũ Mạnh Hùng	MM/Sr.PRO	12
559	Trần Thị Thu Hương	MM/Sr.PRO	12
560	Nguyễn Thúy Hồng Nhung	MM/Sr.PRO	12
561	Nguyễn Thu Trang	MM/Sr.PRO	12
562	Nguyễn Thanh Kim Nguyên	MM/Sr.PRO	12
563	Nguyễn Thế Bằng	MM/Sr.PRO	12
564	Nguyễn Minh Tuân	MM/Sr.PRO	12
565	Nguyễn Phúc Toàn	MM/Sr.PRO	12

(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng số CP phân bổ			
CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
		Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
5,631	79	5,709	0.571
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,631	79	5,709	0.571
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,631	79	5,709	0.571
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,631	79	5,709	0.571
5,005	70	5,074	0.836
5,631	79	5,709	0.571
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
566	Lê Minh Thư	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
567	Đỗ Ngọc Duy	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
568	Đỗ Hữu Nghĩa	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
569	Nguyễn Anh Tuấn	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
570	Nguyễn Thị Hoàng Phương	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
571	Vương Hữu Phước	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
572	Nguyễn Thị Phương Hoa	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
573	Dương Quốc Triết	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
574	Nguyễn Khánh Ái Hậu	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
575	Dương Thị Hồng	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
576	Đặng Công Nin	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
577	Nguyễn Thị Kiều Hưng	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
578	Nguyễn Vũ Ngọc Linh	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
579	Nguyễn Mai Anh	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
580	Phan Văn Phương	MM/Sr.PRO	10	4,693	65	4,758	0.483
581	Nguyễn Việt Dũng	MM/Sr.PRO	10	5,215	73	5,287	0.766
582	Phan Xuân Hỷ	MM/Sr.PRO	9	4,693	65	4,758	0.483
583	Vũ Xuân Tuấn	MM/Sr.PRO	11	5,162	72	5,234	0.027
584	Bùi Thị Thơ	MM/Sr.PRO	11	5,162	72	5,234	0.027
585	Nguyễn Hương Mai	MM/Sr.PRO	8	4,589	64	4,653	0.032
586	Vũ Thị Phượng	MM/Sr.PRO	11	5,162	72	5,234	0.027
587	Cổ Đặng Uyển Nhi	MM/Sr.PRO	11	4,588	64	4,652	0.018
588	Nguyễn Hữu Nghĩa	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
589	Nguyễn Thanh Lợi	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
590	Nguyễn Kinh Luân	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
591	Nguyễn Văn Út	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
592	Lê Minh Vương	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
593	Lê Hải Yến	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
594	Hoàng Phương Nhi	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
595	Nguyễn Kim Yến	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
596	Mai Hoàng Hiếu	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
597	Lương Ngọc Hà	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
598	Tạ Duy Tiến	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
599	Nguyễn Thu Linh	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
600	Vũ Hoàng Yến	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
601	Đỗ Thị Kim Xuyến	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
602	Phan Thụy Bảo Khánh	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
603	Lê Vũ Thùy Trang	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
604	Nguyễn Vân Anh	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
605	Đỗ Hoàng Yến	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836
606	Nguyễn Thị Kim Cương	MM/Sr.PRO	12	5,005	70	5,074	0.836

(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024
607	Lê Thị Bảo Sau	MM/Sr.PRO	12
608	Dương Hà Duy	MM/Sr.PRO	12
609	Lê Bình Nam	MM/Sr.PRO	12
610	Nguyễn Thị Mỹ Loan	MM/Sr.PRO	12
611	Nguyễn Tá Cường	MM/Sr.PRO	12
612	Lê Thành Phát	MM/Sr.PRO	12
613	Lâm Thanh Tại	MM/Sr.PRO	12
614	Đặng Văn Đắc	MM/Sr.PRO	12
615	Nguyễn Viết Tân	MM/Sr.PRO	12
616	Nguyễn Thị Huỳnh Nhi	MM/Sr.PRO	12
617	Đinh Tiến Hoàng	MM/Sr.PRO	12
618	Nguyễn Tiên Hoàng	MM/Sr.PRO	12
619	Lê Thành Đồng	MM/Sr.PRO	12
620	Nguyễn Anh Đức	MM/Sr.PRO	12
621	Trần Mạnh Linh	MM/Sr.PRO	12
622	Nguyễn Quang Huy	MM/Sr.PRO	12
623	Hoàng Thanh Tùng	MM/Sr.PRO	12
624	Phạm Tuấn Mạnh	MM/Sr.PRO	12
625	Hoàng Thị Mai Ngọc	MM/Sr.PRO	12
626	Đỗ Quang Sang	MM/Sr.PRO	12
627	Nguyễn Văn Toán	MM/Sr.PRO	12
628	Vũ Duy Dương	MM/Sr.PRO	12
629	Nguyễn Tấn Phát	MM/Sr.PRO	12
630	Phạm Vĩnh Phước	MM/Sr.PRO	12
631	Trình Văn Chung	MM/Sr.PRO	12
632	Ngô Nguyễn Phước Huy	MM/Sr.PRO	12
633	Thế Thị Huyền	MM/Sr.PRO	12
634	Lê Anh Thắng	MM/Sr.PRO	12
635	Phạm Thị Xuyến	MM/Sr.PRO	12
636	Trần Liên Hương	MM/Sr.PRO	12
637	Nguyễn Thanh Tình	MM/Sr.PRO	12
638	Lê Khả Huy	MM/Sr.PRO	12
639	Bùi Đình Thượng	MM/Sr.PRO	12
640	Nguyễn Thị Thu Hà	MM/Sr.PRO	12
641	Vũ Đình Hùng	MM/Sr.PRO	12
642	Lê Văn Mười	MM/Sr.PRO	12
643	Trần Ngọc Toàn	MM/Sr.PRO	12
644	Đặng Thị Minh Huệ	MM/Sr.PRO	12
645	Phan Song Hiếu	MM/Sr.PRO	12
646	Lê Thị Hằng	MM/Sr.PRO	12
647	Phạm Văn Trí	MM/Sr.PRO	12

(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng số CP phân bổ			
CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
		Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
4,379	61	4,440	0.101
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
5,005	70	5,074	0.836
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101

(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024
648	Trần Ba	MM/Sr.PRO	12
649	Dương Minh Quang	MM/Sr.PRO	12
650	Lê Quốc Toản	MM/Sr.PRO	12
651	Trần Nam	MM/Sr.PRO	12
652	Phạm Trọng Vũ	MM/Sr.PRO	12
653	Đặng Văn Vũ	MM/Sr.PRO	12
654	Đoàn Quốc Vinh	MM/Sr.PRO	12
655	Đoàn Ngọc Quang	MM/Sr.PRO	12
656	Lê Văn Khánh	MM/Sr.PRO	12
657	Trần Văn Tuyển	MM/Sr.PRO	12
658	Huỳnh Văn Bi	MM/Sr.PRO	12
659	Ông Văn Long	MM/Sr.PRO	12
660	Phạm Hữu Bình	MM/Sr.PRO	12
661	Phạm Đăng Khoa	MM/Sr.PRO	12
662	Trần Nguyễn Y Khoa	MM/Sr.PRO	12
663	Đỗ Lê Minh	MM/Sr.PRO	12
664	Nguyễn Bảo Trung	MM/Sr.PRO	12
665	Nguyễn Hiếu Trung	MM/Sr.PRO	12
666	Nguyễn Thế Nhân	MM/Sr.PRO	12
667	Trần Quốc Lâm	MM/Sr.PRO	12
668	Phan Tiến Dũng	MM/Sr.PRO	12
669	Trịnh Nữ Hà Phương	MM/Sr.PRO	12
670	Nguyễn Thùy Ngân	MM/Sr.PRO	12
671	Lê Thị Thùy Trâm	MM/Sr.PRO	12
672	Nguyễn Ngọc Trúc Anh	MM/Sr.PRO	12
673	Nguyễn Đặng Thanh Vân	MM/Sr.PRO	12
674	Nguyễn Thị Thương	MM/Sr.PRO	12
675	Hồ Thị Hoàng Anh	MM/Sr.PRO	12
676	Trần Thùy Phương	MM/Sr.PRO	12
677	Hoàng Nghĩa Trung	MM/Sr.PRO	12
678	Huỳnh Thị Mỹ Ngọc	MM/Sr.PRO	12
679	Nguyễn Thị Minh Hoài	MM/Sr.PRO	12
680	Lê Thị Yến Bình	MM/Sr.PRO	12
681	Bùi Mạnh Linh	MM/Sr.PRO	12
682	Lý Mỹ Tiên	MM/Sr.PRO	12
683	Nguyễn Thị Hải Yến	MM/Sr.PRO	12
684	Vũ Tiến Bình	MM/Sr.PRO	12
685	Nguyễn Ngọc Đức	MM/Sr.PRO	12
686	Lê Chí Quan	MM/Sr.PRO	12
687	Đặng Minh Tú	MM/Sr.PRO	12
688	Nguyễn Thị Tâm	MM/Sr.PRO	12

(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng số CP phân bổ			
CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
		Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
4,379	61	4,440	0.101
5,005	70	5,074	0.836

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
689	Lê Hà Chi	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
690	Lê Thu Phương	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
691	Lưu Minh Hà	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
692	Hoàng Hải Yến	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
693	Võ Thị Thúy An	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
694	Phạm Thị Hồng Hiệp	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
695	Phạm Thị Thu Hà	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
696	Phạm Đình Quốc	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
697	Nguyễn Đào Anh Khoa	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
698	Đào Như Thảo	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
699	Phan Thị Thương Huyền	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
700	Lê Đức Tin	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
701	Vũ Như Hưng	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
702	Trương Thị Thanh Thúy	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
703	Đào Quốc Huynh	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
704	Trần Trung Quân	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
705	Mai Văn Duẩn	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
706	Nguyễn Thị Phương Uyên	MM/Sr.PRO	9	4,223	59	4,281	0.925
707	Vũ Thị Bích Thủy	MM/Sr.PRO	10	4,171	58	4,229	0.199
708	Lê Thanh Tùng	MM/Sr.PRO	10	4,171	58	4,229	0.199
709	Nguyễn Quỳnh Nga	MM/Sr.PRO	6	4,068	57	4,124	0.762
710	Nguyễn Tùng Vũ	MM/Sr.PRO	11	4,014	56	4,070	0.009
711	Trần Cảnh Tuấn Anh	MM/Sr.PRO	11	4,014	56	4,070	0.009
712	Nguyễn Đức Lộc	MM/Sr.PRO	11	4,014	56	4,070	0.009
713	Lý Lệ Ngọc	MM/Sr.PRO	7	4,381	61	4,442	0.129
714	Nguyễn Thanh Quang	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
715	Trần Ngọc Thắm	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
716	Trương Văn Vũ	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
717	Luyện Thị Thu Hiền	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
718	Đoàn Minh Tuấn	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
719	Nguyễn Thị Khánh Vi	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
720	Trần Thị Phương Linh	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
721	Nguyễn Cao Quý	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
722	Lý Quốc Việt	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
723	Nguyễn Hồng Đương	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
724	Trần Hữu Tín	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
725	Nguyễn Hồ Hoàng Kim	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
726	Phan Thị Hương Giang	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
727	Nguyễn Tiến Hải	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
728	Lê Diệu Nghĩa	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
729	Phan Hải Uyên Chi	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
730	Trương Thị Xuân Hường	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
731	Phạm Xuân Hương	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
732	Huỳnh Thị Triều Sa	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
733	Võ Thị Cẩm Thanh	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
734	Nguyễn Thị Thu Hiền	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
735	Đỗ Thành Thủy	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
736	Nguyễn Thị Hiên	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
737	Phạm Quang Huy	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
738	Huỳnh Thị Thu Hoài	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
739	Nguyễn Văn Tiếp	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
740	Nguyễn Văn Triệu	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
741	Quản Thị Uyên Phương	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
742	Lê Hồng Tuyên	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
743	Quách Hớn Minh	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
744	Hà Thị Huyền Trang	MM/Sr.PRO	12	4,379	61	4,440	0.101
745	Vũ Thị Loan	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
746	Phạm Bùi Việt Anh	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
747	Bùi Văn Lâm	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
748	Vũ Lê Thu Hà	MM/Sr.PRO	9	3,754	52	3,806	0.381
749	Nguyễn Tiến Phát	MM/Sr.PRO	9	4,223	59	4,281	0.925
750	Nguyễn Thị Lý	MM/Sr.PRO	8	3,754	52	3,806	0.381
751	Bùi Bảo Ngọc Đông	MM/Sr.PRO	7	3,650	51	3,700	0.930
752	Lê Thị Kim Hảo	MM/Sr.PRO	7	4,016	56	4,072	0.036
753	Vương Công Hòa	MM/Sr.PRO	11	3,440	48	3,487	0.999
754	Nguyễn Việt Thắng	MM/Sr.PRO	8	3,337	47	3,383	0.562
755	Nguyễn Tiến Huy	MM/Sr.PRO	8	3,337	47	3,383	0.562
756	Nguyễn Văn Dũng	MM/Sr.PRO	8	3,337	47	3,383	0.562
757	Tạ Hải Đăng	MM/Sr.PRO	8	3,337	47	3,383	0.562
758	Luân Kiến Cường	MM/Sr.PRO	8	3,754	52	3,806	0.381
759	Nguyễn Thị Nghĩa	MM/Sr.PRO	8	3,337	47	3,383	0.562
760	Nguyễn Đình Anh Tú	MM/Sr.PRO	9	3,754	52	3,806	0.381
761	Nguyễn Hạnh Phúc	MM/Sr.PRO	9	3,754	52	3,806	0.381
762	Lâm Thị Mỹ Hạnh	MM/Sr.PRO	9	3,284	46	3,329	0.823
763	Trần Thị Thu Hằng	MM/Sr.PRO	7	3,650	51	3,700	0.930
764	Nguyễn Thị Huyền	MM/Sr.PRO	7	3,650	51	3,700	0.930
765	Nguyễn Tất Thắng	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
766	Lương Thuận Phú	MM/Sr.PRO	12	3,126	44	3,169	0.618
767	Trang Nhã Trúc	MM/Sr.PRO	12	3,753	52	3,805	0.367
768	Nguyễn Quang Trí	MM/Sr.PRO	12	3,126	44	3,169	0.618
769	Lương Ngọc Duy Minh	MM/Sr.PRO	12	3,126	44	3,169	0.618
770	Nghiêm Diễm Thúy	MM/Sr.PRO	12	3,126	44	3,169	0.618

(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024
771	Trần Tiến Thắng	MM/Sr.PRO	12
772	Trần Thị Cẩm Nhung	MM/Sr.PRO	10
773	Nguyễn Trí Chức	MM/Sr.PRO	10
774	Lê Thúc Nguyên Vũ	MM/Sr.PRO	12
775	Hồ Thị Hoài	MM/Sr.PRO	12
776	Phạm Ánh Ngọc	MM/Sr.PRO	12
777	Đặng Thái Dương	MM/Sr.PRO	12
778	Nguyễn Hải Thuận	MM/Sr.PRO	12
779	Nguyễn Ái Vi	MM/Sr.PRO	12
780	Nguyễn Xuân Tuấn Anh	MM/Sr.PRO	12
781	Nguyễn Thị Kim Thoa	MM/Sr.PRO	12
782	Trần Đình Tuệ	MM/Sr.PRO	8
783	Nguyễn Thị Thu Mai	MM/Sr.PRO	8
784	Tăng Trọng Khôi	MM/Sr.PRO	8
785	Lê Anh Trường	MM/Sr.PRO	8
786	Nguyễn Văn Trung	MM/Sr.PRO	8
787	Nguyễn Ngọc Hà	MM/Sr.PRO	8
788	Nguyễn Thị Hải Yến	MM/Sr.PRO	8
789	Nguyễn Hải Vân	MM/Sr.PRO	8
790	Nguyễn Danh Hưng	MM/Sr.PRO	4
791	Nguyễn Ngọc Minh Thi	MM/Sr.PRO	7
792	Nguyễn Khánh Toàn	MM/Sr.PRO	7
793	Nguyễn Thu Hiền	MM/Sr.PRO	7
794	Trần Thị Thanh Trang	MM/Sr.PRO	7
795	Nguyễn Thanh Thảo	MM/Sr.PRO	6
796	Lê Thị Tuyết Ngân	MM/Sr.PRO	6
797	Phạm Vũ	MM/Sr.PRO	6
798	Nguyễn Thành Trung	MM/Sr.PRO	6
799	Trần Thị Huệ	MM/Sr.PRO	6
800	Lê Thị Thu Huyền	MM/Sr.PRO	5
801	Nguyễn Duy Linh	MM/Sr.PRO	7
802	Tăng Thanh Cao	MM/Sr.PRO	12
803	Tạ Việt Đức	MM/Sr.PRO	12
804	Nguyễn Phùng Nam	MM/Sr.PRO	12
805	Nguyễn Đức Minh	MM/Sr.PRO	12
806	Trần Thị Loan	MM/Sr.PRO	12
807	Nguyễn Văn Khôi	MM/Sr.PRO	12
808	Hoàng Thế Kỳ	MM/Sr.PRO	12
809	Nguyễn Sỹ Dương	MM/Sr.PRO	12
810	Phan Văn Dũng Em	MM/Sr.PRO	12
811	Trần Hoàng Minh	MM/Sr.PRO	12

(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng số CP phân bổ			
CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
		Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
3,753	52	3,805	0.367
3,127	44	3,170	0.632
3,127	44	3,170	0.632
3,753	52	3,805	0.367
3,126	44	3,169	0.618
3,126	44	3,169	0.618
3,126	44	3,169	0.618
3,126	44	3,169	0.618
3,126	44	3,169	0.618
3,126	44	3,169	0.618
3,753	52	3,805	0.367
3,337	47	3,383	0.562
3,337	47	3,383	0.562
3,337	47	3,383	0.562
3,337	47	3,383	0.562
2,919	41	2,959	0.730
2,919	41	2,959	0.730
2,919	41	2,959	0.730
2,919	41	2,959	0.730
2,921	41	2,961	0.758
2,920	41	2,960	0.744
2,920	41	2,960	0.744
2,920	41	2,960	0.744
2,920	41	2,960	0.744
3,129	44	3,172	0.660
3,129	44	3,172	0.660
2,816	39	2,855	0.292
2,816	39	2,855	0.292
3,129	44	3,172	0.660
2,607	36	2,643	0.376
2,920	41	2,960	0.744
2,500	35	2,534	0.883
2,500	35	2,534	0.883
2,500	35	2,534	0.883
2,500	35	2,534	0.883
2,500	35	2,534	0.883
2,500	35	2,534	0.883
2,500	35	2,534	0.883
3,126	44	3,169	0.618
2,500	35	2,534	0.883
2,500	35	2,534	0.883

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
812	Nguyễn Minh Hoàng	MM/Sr.PRO	12	2,500	35	2,534	0.883
813	Trần Thanh Dân	MM/Sr.PRO	6	2,503	35	2,537	0.925
814	Vương Võ Ngọc Thảo Nhi	MM/Sr.PRO	6	2,503	35	2,537	0.925
815	Bùi Văn Linh	MM/Sr.PRO	6	2,503	35	2,537	0.925
816	Đỗ Đắc Đạo	MM/Sr.PRO	5	2,346	33	2,378	0.734
817	Ngô Vinh Phúc	MM/Sr.PRO	6	2,503	35	2,537	0.925
818	Trần Nam Hải	MM/Sr.PRO	4	2,086	29	2,115	0.107
819	Hoàng Văn Phú	MM/Sr.PRO	5	2,085	29	2,114	0.093
820	Vũ Hoàng Hải	MM/Sr.PRO	6	1,876	26	1,902	0.176
821	Huỳnh Nhật Minh	MM/Sr.PRO	4	1,877	26	1,903	0.190
822	Nguyễn Minh Báu	MM/Sr.PRO	5	2,085	29	2,114	0.093
823	Đặng Hoàng Tuấn	MM/Sr.PRO	5	1,824	25	1,849	0.451
824	Nguyễn Khoa Nghĩa	MM/Sr.PRO	4	1,668	23	1,691	0.274
825	Trần Văn Huy	MM/Sr.PRO	5	1,824	25	1,849	0.451
826	Trịnh Thái Nguyên	MM/Sr.PRO	5	1,824	25	1,849	0.451
827	Ngô Thị Bích Ngân	MM/Sr.PRO	6	1,563	22	1,584	0.809
828	Đỗ Thu Thủy	MM/Sr.PRO	4	1,668	23	1,691	0.274
829	Cao Đức Thái	MM/Sr.PRO	4	1,460	20	1,480	0.372
830	Nguyễn Đình Tú	MM/Sr.PRO	4	1,460	20	1,480	0.372
831	Ngô Ngọc Luận	MM/Sr.PRO	4	1,251	17	1,268	0.456
832	Nguyễn Thị Cẩm Tú	MM/Sr.PRO	3	1,251	17	1,268	0.456
833	Trần Thị Thế Như	MM/Sr.PRO	3	1,251	17	1,268	0.456
834	Phạm Nhật Bảo Trân	MM/Sr.PRO	3	1,251	17	1,268	0.456
835	Nguyễn Hiền Nhân	MM/Sr.PRO	3	1,095	15	1,110	0.279
836	Hoàng Văn Thái	MM/Sr.PRO	3	1,095	15	1,110	0.279
837	Nguyễn Bảo Trung	MM/Sr.PRO	3	1,095	15	1,110	0.279
838	Trần Thị Thu Trang	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
839	Mai Thu Hằng	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
840	Phạm Thị Thúy Nga	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
841	Lê Trần Thanh Nhàn	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
842	Đỗ Thị Kim Lan	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
843	Trương Thanh Tuyền	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
844	Nguyễn Thị Lê	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
845	Trần Hoàng Bảo Uyên	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
846	Trần Thị Thương	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
847	Nguyễn Kim Oanh	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
848	Trần Thị Hồng Hạnh	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
849	Nguyễn Hải Linh	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
850	Lê Thị Thúy Hằng	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
851	Bùi Thị Thúy Hằng	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
852	Nguyễn Thị Phượng Liên	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
853	Trần Quốc Việt	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
854	Cao Thị Hạnh Nguyên	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
855	Lê Mai Hoa	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
856	Nguyễn Thị Quế	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
857	Lê Thị Hạnh	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
858	Nguyễn Thanh Nam	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
859	Nguyễn Thanh Phong	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
860	Phan Thị Hiếu	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
861	Trần Thanh Tiện	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
862	Dương Hiền Châu	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
863	Phạm Thị Mỹ Ý	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
864	Lê Văn Hào	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
865	Nguyễn Bảo Khương	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
866	Bùi Viết Trung	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
867	Lê Thị Kim Cúc	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
868	Bùi Ngọc Giáp	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
869	Đặng Vũ Hiệp	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
870	Lê Thị Hoa	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
871	Nguyễn Quang Điền	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
872	Đinh Thị Tú Anh	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
873	Lê Ngọc Huyền	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
874	La Thị Ngọc Châm	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
875	Trần Văn Lam	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
876	Bùi Thị Túy Đoan	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
877	Mai Trâm Anh	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
878	Trần Mậu Tường	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
879	Nguyễn Thị Anh Xuân	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
880	Hoàng Đức Thắng	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
881	Trương Thị Như Yến	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
882	Nguyễn Thị Cúc	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
883	Lê Anh Dũng	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
884	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
885	Nguyễn Ngọc Phương	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
886	Phan Vĩnh An	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
887	Phạm Quốc Hữu	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
888	Nguyễn Hữu Tới	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
889	Phạm Trung Dũng	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
890	Trương Thị Quỳnh Nga	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
891	Nguyễn Thị Thanh	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
892	Lê Thị Mỹ Lệ	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
893	Lê Thị Thu Phương	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
894	Lê Trung Kiên	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
895	Hoàng Thị Thanh Tâm	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
896	Lê Hải Âu	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
897	Hồ Bảo Trọng	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
898	Lê Phước Lộc	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
899	Nguyễn Thanh Hoàng	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
900	Ngô Quốc Thành	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
901	Trương Quang Dũng	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
902	Lê Đình Đông	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
903	Huỳnh Quốc Sử	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
904	Nguyễn Thị Huệ	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
905	Chu Minh	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
906	Hoàng Trọng Hiếu	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
907	Nguyễn Đặng Diễm Trang	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
908	Nguyễn Ngọc Thúy Nga	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
909	Trần Quốc Thái	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
910	Phạm Thị Hồng Nhung	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
911	Tô Hải Ninh	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
912	Đỗ Phương Loan	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
913	Ngô Thị Hậu	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
914	Phạm Văn Trung	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
915	Hoàng Thị Tố Nga	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
916	Võ Hồng Ngọc	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
917	Đàm Quỳnh Hoa	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
918	Đỗ Văn Dương	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
919	Tạ Minh Tuấn	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
920	Phạm Văn Kim	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
921	Hoàng Văn Luận	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
922	Chu Quang Mạnh	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
923	Nguyễn Hoàng Anh	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
924	Bùi Thị Nhung	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
925	Bùi Thái Hà	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
926	Trần Thị Thanh Kiều	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
927	Lê Hùng Vương	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
928	Thân Văn Hân	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
929	Lê Ngọc Huân	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
930	Trịnh Duy An	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
931	Phạm Thị Hồng	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
932	Mai Thị Thanh Hằng	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
933	Triệu Thủy Tiên	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
934	Lã Phương Thảo	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
935	Hồ Hoài Bão	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
936	Nguyễn Chí Hoài	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
937	Huỳnh Công Khanh	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
938	Phạm Thị Mai	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
939	Nguyễn Tú Danh	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
940	Phạm Đông Phước	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
941	Phạm Thị Hà	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
942	Nguyễn Thị Thanh Tâm	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
943	Trần Quốc Cường	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
944	Hoàng Hồng Minh	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
945	Phan Anh Tú	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
946	Thái Thanh Minh	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
947	Nguyễn Đinh Quốc Việt	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
948	Danh Thuận Thảo	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
949	Nguyễn Đức Hoàn	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
950	Nguyễn Thị Diệu Linh	PRO	12	1,502	21	1,522	0.958
951	Quách Thùy Linh	PRO	11	1,377	19	1,396	0.214
952	Trịnh Thị Mai	PRO	9	1,127	16	1,142	0.725
953	Đỗ Thị Tuyển	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
954	Phạm Thị Như Lân	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
955	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
956	Phan Thị Thanh Thủy	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
957	Đinh Hoàng Phúc	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
958	Nguyễn Tiến Dũng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
959	Nguyễn Chí Dũng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
960	Nguyễn Tố An	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
961	Trần Thị Vân	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
962	Vũ Thị Minh Thúy	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
963	Đỗ Thị Hoài Anh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
964	Vũ Thị Mai Phương	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
965	Cao Thị Diệp An	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
966	Bùi Thúy Hường	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
967	Lê Thị Tư	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
968	Nhữ Thị Huyền Trang	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
969	Phạm Thùy Trang	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
970	Nguyễn Thị Thanh Tâm	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
971	Nguyễn Anh Phương	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
972	Đặng Thị Hương Diệp	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
973	Phạm Thị Thu	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
974	Đinh Thị Quỳnh Anh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
975	Trần Kim Chi	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b] Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
976	Dương Thị Thu Hằng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
977	Hoàng Thị Kim Thanh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
978	Đoàn Văn Danh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
979	Hà Đông Nhật	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
980	Nguyễn Minh Tấn	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
981	Hồ Thị Tuyết Nhung	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
982	Lê Quốc An	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
983	Lê Hoàng Bảo Trâm	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
984	Nguyễn Thị Kim Quy	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
985	Lê Thị Phương Thảo	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
986	Nguyễn Thị Hằng Nga	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
987	Bùi Quang Khải	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
988	Trần Văn Huy	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
989	Trần Thị Nhàn	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
990	Vũ Lê Dung	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
991	Lê Thị Hải Yến	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
992	Tạ Vũ Hoàng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
993	Bùi Ái My	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
994	Đàm Thị Huệ	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
995	Đinh Thị Như Ý	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
996	Phạm Thị Hà Giang	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
997	Hoàng Thu Hà	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
998	Nguyễn Thị Kim Chi	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
999	Vũ Thị Phương Liên	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1000	Trần Thị Thủy	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1001	Phạm Thị Ngọc Bích	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1002	Trần Thị Tuyết Nhung	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1003	Lưu Thị Ngọc Giang	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1004	Phạm Minh Hoàng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1005	Nguyễn Chí Công	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1006	Phạm Quang Thụy	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1007	Trần Chánh Tín	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1008	Vũ Trọng Kim	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1009	Phạm Hoàng Hải	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1010	Nguyễn Văn Hiên	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1011	Lê Điển Chương	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1012	Lê Thị Ngọc Viện	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1013	Nguyễn Bá Thọ	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1014	Hồ Sơn Việt	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1015	Ngô Thị Thanh Hằng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1016	Phạm Thị Thảo Vân	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
1017	Nguyễn Hoàng Huynh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1018	Mai Thoại Nhung	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1019	Trịnh Văn Tuyến	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1020	Trương Ngọc Huyền	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1021	Vũ Hoàng Hải	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1022	Nguyễn Hà Phúc	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1023	Võ Văn Thơ	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1024	Lê Đắc Hùng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1025	Tô Thị Nhàn	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1026	Lê Thị Quỳnh Tinh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1027	Hoàng Thị Hằng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1028	Nguyễn Thị Thùy Trang	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1029	Nguyễn Thị Dung	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1030	Trần Đắc Sơn	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1031	Võ Châu Bảo	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1032	Trần Mỹ Duyên	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1033	Đặng Ngọc Thành	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1034	Nghiêm Nhuận Phú	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1035	Dương Anh Quốc	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1036	Nguyễn Minh Tuấn	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1037	Phan Trọng Bút	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1038	Nguyễn Minh Nhật	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1039	Huỳnh Anh Kiệt	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1040	Lê Duy Khiêm	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1041	Ngô Đức Hà	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1042	Ngô Quang Tuấn	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1043	Phan Văn Hiệp	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1044	Nguyễn Phúc Thuận	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1045	Nguyễn Thị Kim Thu	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1046	Lê Thị Truyên	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1047	Trần Ngọc Kim	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1048	Trần Thị Bích Thảo	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1049	Mai Thị Thúy Hằng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1050	Trần Tấn Thành	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1051	Hồ Thanh Tùng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1052	Nguyễn Hữu Phước	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1053	Tô Ngọc Cương	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1054	Lê Thị Thùy Vân	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1055	Bùi Thu Thảo	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1056	Lưu Thành Công	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1057	Nguyễn Thị Bích Hồng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
1058	Lê Vũ Phong Thành Nhân	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1059	Trần Khánh Bảo	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1060	Huỳnh Đăng Khoa	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1061	Lê Bửu Cường	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1062	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1063	Thái Công Minh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1064	Nguyễn Dũng Huỳnh Anh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1065	Bùi Ngọc Cẩn	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1066	Trần Chí Trung	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1067	Phạm Thị Mỹ Duyên	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1068	Huỳnh Hà My	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1069	Lý Huỳnh Hưng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1070	Nguyễn Trường Vũ	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1071	Vũ Mạnh Cường	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1072	Nguyễn Hoàng Nam	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1073	Trần Lam Đan Thùy	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1074	Phan Văn Tâm	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1075	Nguyễn Quốc Bảo	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1076	Lý Trung Tính	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1077	Vũ Hoàng Sơn	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1078	Nguyễn Tuấn Anh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1079	Ngô Văn Khánh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1080	Trương Văn Tân	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1081	Thái Thị Chiêu Ngân	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1082	Trịnh Thị Liễu	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1083	Vũ Trường Chinh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1084	Đỗ Thị Hải Yến	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1085	Lê Thị Kim Cúc	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1086	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1087	Lương Thị Hải Vân	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1088	Vũ Văn Bảo	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1089	Vương Vũ Phương Anh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1090	Mai Thu Linh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1091	Bùi Thị Nhung	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1092	Lê Nữ Hằng Phương	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1093	Trần Ngọc Hùng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1094	Nguyễn Văn Duy	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1095	Nguyễn Thị Kim Dung	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1096	Nguyễn Hải Đăng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1097	Trần Văn Hoàng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1098	Lê Trang Hương	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
1099	Lê Hồng Sơn	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1100	Trần Văn Hải	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1101	Lương Ngọc Tú	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1102	Nguyễn Hoàng Diệu Linh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1103	Nguyễn Thị Hoài Phương	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1104	Nguyễn Thị Anh Thơ	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1105	Dương Phương Thành	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1106	Ngô Công Minh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1107	Phan Thanh Hải	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1108	Lê Đình Kiên	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1109	Tô Thị Cẩm Nương	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1110	Nguyễn Văn Thạch	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1111	Hoàng Thị Quỳnh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1112	Hà Thị Hóa	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1113	Phan Hồ Vũ	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1114	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1115	Đào Thị Hương	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1116	Trần Thị Thùy	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1117	Hà Mạnh Tùng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1118	Nguyễn Văn Đức	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1119	Nguyễn Hữu Lâm	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1120	Nguyễn Minh Nhựt	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1121	Dương Phi Hùng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1122	Hồ Ngọc Thúy	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1123	Lê Công Xem	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1124	Nguyễn Thị Nguyệt	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1125	Trần Thị Thu Trang	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1126	Nguyễn Thị Ngọc	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1127	Nguyễn Thành Duy	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1128	Lê Thị Diễm My	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1129	Vũ Thị Thúy	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1130	Ngô Thị Kiều Trinh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1131	Nguyễn Thị Hường	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1132	Nguyễn Thị Huyền Trang	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1133	Hoàng Lan Anh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1134	Trần Nhật Cường	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1135	Võ Thị Mỹ Điệp	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1136	Hoàng Thị Hà	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1137	Trần Thị Ngọc Huyên	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1138	Nguyễn Thị Ngọc Điệp	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1139	Vũ Thị Thu Hương	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
1140	Nguyễn Thị Tươi	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1141	Trịnh Minh Thủy	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1142	Lê Tuyết Hạnh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1143	Nguyễn Thị Thùy Trang	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1144	Huỳnh Thị Thùy Trang	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1145	Đỗ Văn Đạt	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1146	Trần Thủy Tiên	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1147	Vũ Văn Tình	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1148	Lê Thị Kim Huệ	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1149	Lương Thị Phương	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1150	Nguyễn Văn Thắng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1151	Nguyễn Thị Kim Ngọc	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1152	Dương Hồng Quân	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1153	Lê Văn Dũng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1154	Nguyễn Thị Thu Hiền	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1155	Phạm Thị Mỹ Diệu	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1156	Ngô Xuân Quang	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1157	Chu Đức Huy	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1158	Nguyễn Đình Thắng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1159	Lê Thị An	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1160	Đặng Mạnh Tường	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1161	Nguyễn Thị Lệ Thu	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1162	Võ Thị Nguyệt	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1163	Nguyễn Quang Vinh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1164	Vũ Đức Chính	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1165	Vũ Thị Xuân	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1166	Phạm Thị Hoàng Diệu	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1167	Hoàng Tùng Dương	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1168	Nguyễn Thị Trà Ly	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1169	Trịnh Anh Đức	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1170	Hoàng Lê Tuấn Anh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1171	Đào Đức Anh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1172	Nguyễn Thị Hải Nga	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1173	Nguyễn Việt Anh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1174	Lê Đình Đức	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1175	Bùi Phúc Hậu Anh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1176	Huỳnh Phương Thanh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1177	Phạm Hồng Trang	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1178	Huỳnh Anh Khoa	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1179	Nguyễn Quốc Toàn	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1180	Đào Thị Linh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
1181	Vũ Thị Hà Linh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1182	Nguyễn Thị Trang	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1183	Nguyễn Lan Phương	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1184	Dương Kiều Linh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1185	Trần Mai Lan	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1186	Nguyễn Tràng Quyết	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1187	Phan Thị Diễm Hương	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1188	Đặng Quốc Bình	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1189	Trần Thị Nga	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1190	Đỗ Thị Bích Ngọc	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1191	Đặng Hữu Tài	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1192	Hoàng Thị Trà My	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1193	Nguyễn Phương Thúy	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1194	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1195	Nguyễn Thị Thanh Huyền	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1196	Nguyễn Thị Thuận	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1197	Phạm Thanh Huyền	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1198	Khuất Kim Oanh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1199	Vũ Thị Thường	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1200	Lê Ngọc Mai	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1201	Trần Huy Bình	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1202	Phạm Diệp Anh Kiệt	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1203	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1204	Nguyễn Toàn Thắng	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1205	Cao Ngọc Vinh	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1206	Tạ Lê Minh Tâm	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1207	Lê Thanh Trúc	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1208	Phạm Nguyễn Thanh Tuấn	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1209	Lê Văn Chung	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1210	Bùi Văn Long	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1211	Nguyễn Việt Trung	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1212	Phùng Ngọc Đại	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1213	Nguyễn Lê Thanh Tân	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1214	Tào Văn Quang	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1215	Nguyễn Thị Khánh Hòa	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1216	Nguyễn Bảo Yến	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1217	Nguyễn Phúc Khải	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1218	Võ Phát Giàu	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1219	Trần Thị Kim Hoa	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1220	Phan Thị Thanh Tuyền	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967
1221	Nguyễn Anh Tú	PRO	12	1,001	14	1,014	0.967

(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024
1222	Nguyễn Thị Liên	PRO	12
1223	Nguyễn Thiên Hào	PRO	11
1224	Nguyễn Thị Oanh	PRO	11
1225	Nguyễn Minh Đức	PRO	7
1226	Nguyễn Thị Hồng Nhung	PRO	12
1227	Phạm Hà Nam Minh	PRO	12
1228	Đặng Thị Bích Phượng	PRO	12
1229	Nguyễn Thị Bình	PRO	12
1230	Nguyễn Thị Thoa	PRO	12
1231	Bùi Thị Khánh Chi	PRO	12
1232	Phạm Thị Quyên	PRO	12
1233	Hồ Chí Linh	PRO	12
1234	Đào Hồng Quân	PRO	12
1235	Nguyễn Thị Thanh Huyền	PRO	12
1236	Nguyễn Thị Thùy Giang	PRO	12
1237	Nguyễn Văn Hậu	PRO	12
1238	Danh Hữu Đạt	PRO	12
1239	Nguyễn Thị Trang Nhung	PRO	12
1240	Nguyễn Thị Hòa	PRO	12
1241	Trần Thu Hồng	PRO	12
1242	Nguyễn Thanh Liến	PRO	12
1243	Phạm Thị Thi	PRO	12
1244	Hoàng Thùy Linh	PRO	12
1245	Chu Ngọc Tường	PRO	12
1246	Nguyễn Thị Loan	PRO	12
1247	Nguyễn Thị Bích Ngọc	PRO	12
1248	Nguyễn Minh Hiếu	PRO	12
1249	Nguyễn Tiến Huy	PRO	12
1250	Ngô Thị Ngân	PRO	12
1251	Chu Văn Thành	PRO	12
1252	Nguyễn Thị Hằng	PRO	12
1253	Vũ Quang Thanh	PRO	12
1254	Lê Huỳnh Yến Phương	PRO	12
1255	Trần Thị Phương Thảo	PRO	12
1256	Bùi Quỳnh Như	PRO	12
1257	Lê Quang Dưỡng	PRO	12
1258	Trịnh Đình Hưng	PRO	12
1259	Nguyễn Võ Minh Tâm	PRO	12
1260	Lê Công Bình	PRO	12
1261	Nguyễn Ngọc Tuấn	PRO	12
1262	Nguyễn Thị Vân Anh	PRO	12

(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng số CP phân bổ			
CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
		Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
1,001	14	1,014	0.967
918	13	930	0.809
918	13	930	0.809
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
1263	Trần Ngô Tiến Anh	PRO	12	876	12	888	0.223
1264	Nguyễn Thị Hoài Hạnh	PRO	12	876	12	888	0.223
1265	Nguyễn Ngọc Châu	PRO	12	876	12	888	0.223
1266	Hoàng Hải Yến	PRO	12	876	12	888	0.223
1267	Mai Quỳnh Hoa	PRO	12	876	12	888	0.223
1268	Phạm Tuấn	PRO	12	876	12	888	0.223
1269	Nguyễn Hữu Trí	PRO	12	876	12	888	0.223
1270	Nguyễn Hữu Giang	PRO	12	876	12	888	0.223
1271	Nguyễn Quang Nam	PRO	12	876	12	888	0.223
1272	Nguyễn Đắc Vịnh	PRO	12	876	12	888	0.223
1273	Phạm Hồng Ngọc	PRO	12	876	12	888	0.223
1274	Nguyễn Tiến Lực	PRO	12	876	12	888	0.223
1275	Nguyễn Thị Thùy Dung	PRO	12	876	12	888	0.223
1276	Lê Văn Hải	PRO	12	876	12	888	0.223
1277	Lê Minh Châu	PRO	12	876	12	888	0.223
1278	Trần Nguyễn Anh Khoa	PRO	12	876	12	888	0.223
1279	Quách Văn Chọn	PRO	12	876	12	888	0.223
1280	Nguyễn Thị Minh Anh	PRO	12	876	12	888	0.223
1281	Nguyễn Văn Cử	PRO	12	876	12	888	0.223
1282	Lê Phước Lộc	PRO	12	876	12	888	0.223
1283	Lương Khánh Linh	PRO	12	876	12	888	0.223
1284	Nguyễn Thị Thảo	PRO	12	876	12	888	0.223
1285	Trần Nguyễn Minh Thơ	PRO	12	876	12	888	0.223
1286	Nguyễn Thị Thanh Vân	PRO	12	876	12	888	0.223
1287	Đầu Văn Lợi	PRO	12	876	12	888	0.223
1288	Nguyễn Xuân Ngọc	PRO	12	876	12	888	0.223
1289	Trần Thị Hà Thu	PRO	12	876	12	888	0.223
1290	Nguyễn Đăng Hào	PRO	12	876	12	888	0.223
1291	Đinh Thị Hồng Gấm	PRO	12	876	12	888	0.223
1292	Dương Thu Huyền	PRO	12	876	12	888	0.223
1293	Trần Thị Thanh Thảo	PRO	12	876	12	888	0.223
1294	Nguyễn Thị Mỹ Dung	PRO	12	876	12	888	0.223
1295	Lưu Kiều Diễm Hậu	PRO	12	876	12	888	0.223
1296	Phạm Minh Tâm	PRO	12	876	12	888	0.223
1297	Ngô Thị Miền	PRO	12	876	12	888	0.223
1298	Nguyễn Ngọc Hải Ly	PRO	12	876	12	888	0.223
1299	Vũ Văn Biển	PRO	12	876	12	888	0.223
1300	Nguyễn Thị Thu Hương	PRO	12	876	12	888	0.223
1301	Đỗ Thị Trang Nhung	PRO	12	876	12	888	0.223
1302	Bùi Thị Minh Hòa	PRO	12	876	12	888	0.223
1303	Trần Siêu Cường	PRO	12	876	12	888	0.223

(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng				**Tổng số CP phân bổ**			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024	CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
						Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
1304	Nguyễn Thị Vân	PRO	12	876	12	888	0.223
1305	Phạm Thị Tường Vy	PRO	12	876	12	888	0.223
1306	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	PRO	12	876	12	888	0.223
1307	Nguyễn Minh Trang	PRO	12	876	12	888	0.223
1308	Đỗ Thị Thanh Huyền	PRO	12	876	12	888	0.223
1309	Lê Thị Mỹ Phương	PRO	12	876	12	888	0.223
1310	Nguyễn Thị Kim Hương	PRO	12	876	12	888	0.223
1311	Nguyễn Trâm Anh	PRO	12	876	12	888	0.223
1312	Nguyễn Quốc Trí	PRO	12	876	12	888	0.223
1313	Nguyễn Minh Châu	PRO	12	876	12	888	0.223
1314	Biện Minh Tân	PRO	12	876	12	888	0.223
1315	Quản Công Minh	PRO	12	876	12	888	0.223
1316	Trần Thị Bảo Trân	PRO	12	876	12	888	0.223
1317	Vương Tiến Thiện	PRO	12	876	12	888	0.223
1318	Nguyễn Thị Thùy Trang	PRO	12	876	12	888	0.223
1319	Từ Viết Tùng	PRO	12	876	12	888	0.223
1320	Nguyễn Hoài Linh	PRO	12	876	12	888	0.223
1321	Hồ Bá Linh	PRO	12	876	12	888	0.223
1322	Nguyễn Thị Chinh	PRO	12	876	12	888	0.223
1323	Phạm Thị Trang	PRO	12	876	12	888	0.223
1324	Lâm Vũ	PRO	12	876	12	888	0.223
1325	Nguyễn Văn Thuận	PRO	12	876	12	888	0.223
1326	Võ Văn Mực	PRO	12	876	12	888	0.223
1327	Trần Quang Vinh	PRO	12	876	12	888	0.223
1328	Tô Trung Anh	PRO	12	876	12	888	0.223
1329	Nguyễn Đức Tiến	PRO	12	876	12	888	0.223
1330	Nguyễn Trung Đức	PRO	12	876	12	888	0.223
1331	Trần Thị Huệ	PRO	12	876	12	888	0.223
1332	Dương Thị Xuân	PRO	12	876	12	888	0.223
1333	Vũ Văn Mạnh	PRO	12	876	12	888	0.223
1334	Trịnh Thùy Dung	PRO	12	876	12	888	0.223
1335	Phạm Nam Anh	PRO	12	876	12	888	0.223
1336	Ngô Thị Thơm	PRO	12	876	12	888	0.223
1337	Lương Hà Thu	PRO	12	876	12	888	0.223
1338	Nguyễn Thị Lan Anh	PRO	12	876	12	888	0.223
1339	Quàng Thị Khánh Huyền	PRO	12	876	12	888	0.223
1340	Nguyễn Thanh Phong	PRO	12	876	12	888	0.223
1341	Lê Thảo Anh	PRO	12	876	12	888	0.223
1342	Trần Văn Nghĩa	PRO	12	876	12	888	0.223
1343	Vương Phạm Minh Thư	PRO	12	876	12	888	0.223
1344	Tiêu Tấn Tới	PRO	12	876	12	888	0.223

(1)	(2)	(3)	(4)
Thông tin CBNV được phát hành CP thưởng			
STT	Họ và tên CBNV	Nhóm CBNV	Thời gian lv trong năm 2024
1345	Trương Nhật Quang	PRO	12
1346	Ngô Đình Trung Nhân	PRO	12
1347	Hoàng Đình Hải	PRO	12
1348	Nguyễn Tuấn Hùng	PRO	12
1349	Đặng Trung Kiên	PRO	12
1350	Đào Thị Thùy Dung	PRO	12
1351	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	PRO	12
1352	Nguyễn Mai Ánh Dương	PRO	12
1353	Nguyễn Thanh Tuyền	PRO	12
1354	Ông Văn Hiếu	PRO	12
1355	Nguyễn Hoàng Nhớ	PRO	12
1356	Lý Lợi	PRO	12
1357	Cao Dương Phúc Đảm	PRO	12
1358	Nguyễn Minh Quang	PRO	12
1359	Lê Thị Lý	PRO	12
1360	Nguyễn Thị Lệ Thu	PRO	10
1361	Đinh Thị Thơ	PRO	10
1362	Ngô Thị Vân	PRO	11
1363	Huỳnh Thị Mỹ Xuyên	PRO	6
1364	Vũ Thùy Phương	PRO	9
1365	Đinh Thị Hiền	PRO	9
1366	Nguyễn Diệu Quỳnh	PRO	10
1367	Trịnh Hoàng Trúc Quỳnh	PRO	8
1368	Trịnh Thanh Ngân	PRO	8
1369	Đàm Huy Hùng	PRO	8
1370	Đặng Thị Huyền	PRO	6
1371	Vũ Thị Diễm	PRO	5
1372	Võ Thành Đạt	PRO	4

(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng số CP phân bổ			
CP đã được phân bổ [a]	CP phân bổ bổ sung [b]	Tổng số CP được phân bổ [c]= [a] + [b]	
		Số CP phân bổ làm tròn	Số CP lẻ phát sinh
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
876	12	888	0.223
834	12	845	0.637
834	12	845	0.637
803	11	814	0.204
751	10	761	0.479
751	10	761	0.479
751	10	761	0.479
730	10	740	0.186
667	9	676	0.307
667	9	676	0.307
584	8	592	0.149
501	7	507	0.991
365	5	370	0.093
292	4	296	0.074